TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 626A/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Thu Vân
2. Bà Trần Ngọc Bảo Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2022/TB-TLVA ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Phạm Thị Bé H**, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp TTh, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: **Anh Bùi Thanh H1**, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp TTh, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 26 tháng 5 năm 2022 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Bé H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Thanh H1 chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TrA, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do vợ

chồng không có tiếng nói chung, chị sống không hạnh phúc. Chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi rút đơn, anh H1 có sửa đổi nhưng sau đó vẫn tái diễn lại các thói xấu, chị đã muốn ly hôn nhưng anh H1 bị bệnh nên chị lo cho bệnh tình của anh H1 không làm thủ tục ly hôn. Sau khi anh H1 khỏi bệnh, anh chị lại tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường cãi vả, anh H1 dùng lời lẽ nặng nề chửi mắng chị và dòng họ chị, anh H1 không tin tưởng chị, ghen tuông vô cớ. Chị dọn ra ngoài sống ly thân với anh H1 từ tháng 01/2022 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 01 con chung tên Bùi Tiến Qu sinh ngày 15/02/2012. Hiện chị đang nuôi cháu Qu. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Qu, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng thì chị chấp nhận.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà, đất và 02 xe mô tô 02 bánh. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh H1 là do vợ chồng không hòa hợp, tính tình anh H1 gia trưởng, ghen tuông vô cớ, anh H1 không những có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị, gia đình mà còn nói những chuyện riêng tư của vợ chồng cho người trong đơn vị chị biết làm việc làm ảnh hưởng đến uy tín của chị. Do đó, chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H1 nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Thanh H1 trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Bé H về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn do anh bị bệnh ảnh hưởng đến sinh lý nên chị Bé H kiếm chuyện cự cãi với anh, bắt bẻ anh từng câu từng chữ, anh có cự cãi lại nhưng không có dùng lời lẽ nặng nề như chị Bé H trình bày. Do chị Bé H đi không về nhà, không muốn sống chung với anh nên anh có nghi ngờ chị Bé H có quan hệ tình cảm với người khác, chị Bé H lại cài mật khẩu không cho anh xem điện thoại của chị Bé H nên anh càng nghi ngờ. Anh không đồng ý ly hôn nhưng chị Bé H không có ý muốn quay lại chung sống với anh nên anh không có cách để vợ chồng hàn gắn. Trước đây, anh có điện thoại cho chị Bé H nhiều lần để tìm cách đoàn tụ nhưng chị Bé H không nhận máy mà còn chặn số điện thoại của anh. Nếu chị Bé H không

thích, từ đây về sau anh sẽ không điện thoại làm phiền, chị Bé H muốn làm gì thì làm. Nay, anh không đồng ý ly hôn với chị Bé H vì anh còn thương vợ, thương con, mâu thuẫn vợ chồng nhỏ nhặt, chỉ cần chị Bé H thay đổi tính tính thì vợ chồng sẽ chung sống hạnh phúc. Về con chung, nếu phải ly hôn anh đồng ý giao con chung cho vợ nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Về tài sản chung thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung thì không có.

Tại phiên tòa, anh H1 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh không đồng ý ly hôn, anh không có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Anh có nhắn những tin nhắn chị Bé H cung cấp cho Tòa án nhưng anh nhắn những tin này là do anh ghen tuông vì chị Bé H bỏ nhà đi. Vợ chồng anh mâu thuẫn là do tính tình của chị Bé H nên chỉ cần chị Bé H sửa đổi thì vợ chồng sẽ đoàn tụ được. Về con chung, anh H1 đồng ý giao cháu Bùi Tiến Qu cho chị Bé H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về quan hệ pháp luật: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Phạm Thị Bé H và anh Bùi Thanh H1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TrA, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số I/2006 ngày 29/5/2006. Như vậy, chị Bé H và anh H1 có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Bé H và anh Bùi Thanh H1 là hợp pháp.

[2.1.2] Chị Bé H yêu cầu ly hôn với anh H1 vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cự cãi, không hòa hợp, anh H1 có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình

chị, ghen tuông vô cớ, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Anh H1 cũng thừa nhận vợ chồng thường cãi vả nhưng nguyên nhân do tính tình của chị Bé H thường kiếm chuyện gây gỗ với anh, anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, qua kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Bé H và anh H1, giữa chị Bé H và anh H1 đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị Bé H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay anh H1 không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bé H.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Bé H và anh Bùi Thanh H1 chung sống có 01 con chung tên Bùi Tiến Qu sinh ngày 15/02/2012. Hiện chị Bé H đang nuôi con. Chị Bé H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh H1 đồng ý để chị Bé H nuôi con. Xét thấy, trong thời gian chị Bé H và anh H1 sống ly thân, chị Bé H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu Qu và có xét đến nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Qu, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Qu.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh H1 cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bé H và anh H1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị Bé H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Bé H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé H được ly hôn với anh Bùi Thanh H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Tiến Qu sinh ngày 15/02/2012 cho chị Phạm Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Thanh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Bùi Thanh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Bé H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phạm Thị Bé H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 00020579 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc